

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NHÍ ĐỒNG 1



HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Tên gói thầu: Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8

Dự toán: Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8

Ngày phát hành: 20/9/2022

Ban hành kèm theo Quyết định: Số 1634/QĐ-BVND1 ngày 19/9/2022 của
Bệnh viện Nhi Đồng 1.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2022



Nguyễn Thanh Hùng

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt.....	4
Từ ngữ viết tắt.....	5
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu.....	6
Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất.....	18
Chương III. Biểu mẫu.....	24
Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu.....	44
Chương V. Dự thảo hợp đồng	50
Phụ lục 1. Danh mục hàng hóa yêu cầu	59
Phụ lục 2. Tiêu chí đánh giá kỹ thuật.....	62
Phụ lục 3. Yêu cầu về nộp hàng mẫu.....	66

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đề xuất, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ đề xuất và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu.

Chương III. Biểu mẫu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ đề xuất.

Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp hàng hóa mà nhà thầu phải thực hiện; yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có).

Chương V. Dự thảo hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm sửa đổi, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của hợp đồng. Phụ lục bảng giá hợp đồng và mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BMT	Bên mời thầu
Dự toán	Dự toán mua sắm thường xuyên
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Tên chủ đầu tư là: Bệnh viện Nhi Đồng 1.
2. Tên bên mời thầu là: Bệnh viện Nhi Đồng 1.
3. Bên mời thầu Bệnh viện Nhi Đồng 1 mời nhà thầu tham gia gói thầu chào hàng cạnh tranh thông thường mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8.**

- Số lượng và số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo Phụ lục 1- Danh mục đính kèm.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp **trên 30%** với: **Bệnh viện Nhi Đồng 1- số 341, Đường Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh**

- Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với: **Bệnh viện Nhi Đồng 1.**

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
7. Công bố đủ điều kiện mua bán (TTBYT loại B, C, D) hoặc chứng minh được miễn công bố đủ điều kiện mua bán.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất vào ngày **22/9/2022**. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSYC từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn ngày **22/9/2022**.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSYC.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự và đồng tiền thanh toán là VND.
3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa Bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 07 Chương III – Biểu mẫu;
3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu;

4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b Chương III – Biểu mẫu;

5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;

6. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05 và Mẫu số 05a Chương III – Biểu mẫu;

7. Các nội dung khác:

Tài liệu về tính hợp lệ của hàng hóa:

- Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa phải là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực. Nếu tài liệu được cấp trực tuyến phải có xác nhận của nhà thầu.

- Các giấy tờ do nước ngoài cấp phải được hợp thức hóa lãnh sự hoặc nhà thầu cung cấp bản sao có chứng thực đã được hợp thức hóa lãnh sự.

- Tất cả các tài liệu tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt, bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp nếu là bản tiếng nước ngoài.

- Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa phải còn hiệu lực đến khi hết thời gian hiệu lực của HSDX. Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu trên, nhà thầu phải cam kết với bên mời thầu bổ sung ngay khi có tài liệu cấp mới.

a) Giấy phép bán hàng hoặc uỷ quyền của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối chính thức: còn hiệu lực.

b) Bản phân loại trang thiết bị y tế (hoặc cung cấp tài liệu chứng minh TTBYT không phải thực hiện việc phân loại).

c) Phiếu tiếp nhận Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (TTBYT loại A, B)

Hoặc có số lưu hành còn hạn hoặc đã được cấp phép nhập khẩu (TTBYT loại C, D).

d) Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485.

- e) Nhãn hoặc có kèm theo nhãn phụ bằng tiếng Việt với đầy đủ các thông tin:
- Tên trang thiết bị y tế;
 - Số lưu hành/công bố trang thiết bị y tế;
 - Tên và địa chỉ chủ sở hữu số lưu hành trang thiết bị y tế;
 - Xuất xứ trang thiết bị y tế;
 - Ngày sản xuất hoặc hạn sử dụng. Việc ghi ngày sản xuất, hạn sử dụng phải ghi rõ ngày, tháng, năm hoặc tháng, năm;
 - Số lô hoặc số sêri (serial number) của trang thiết bị y tế.
- f) Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật; Tài liệu kỹ thuật trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt; Thông tin về hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt.
- g) Giá kê khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế.
- h) Tài liệu chứng minh hàng hóa được phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT ban hành ngày 10/07/2020. Yêu cầu về phân nhóm của hàng hóa yêu cầu quy định chi tiết tại Chương VIII – Danh mục hàng hóa yêu cầu.

Nhà thầu có hàng hóa đáp ứng tiêu chí của nhóm nào thì được dự thầu vào nhóm đó hoặc nhóm có yêu cầu thấp hơn.

i) sĐơn giá chào hàng theo Mẫu số 5b – Chương III Biểu mẫu không cao hơn đơn giá đã trúng thầu trong hợp đồng trúng thầu tại điểm i khoản 7 mục 6.

j) Quy định về hàng mẫu:

Trong trường hợp cần thiết để đánh giá đặc tính kỹ thuật hàng hóa, Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp hàng mẫu với số lượng phù hợp để đánh giá, nhà thầu phải cung cấp hàng mẫu trong vòng 24 giờ khi nhận được yêu cầu của Bên mời thầu.

Trường hợp Bên mời thầu không nhận được hàng mẫu theo yêu cầu, mặt hàng đó được đánh giá dựa trên các tài liệu mà nhà thầu cung cấp trước đó.

Bao bì đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Chất lượng bao gói cần phải đủ độ bền chắc.
- b) Bao gói phải kết cấu đủ kín để bảo đảm không làm rò rỉ.

Các yêu cầu khác:

- Hàng hóa cung cấp phải mới 100%.
- Giao hàng tại Kho – khoa Dược. Nhà thầu sẽ cung cấp hàng hóa trong vòng 24 – 48 giờ ngày sau khi nhận được thông báo giao hàng (theo từng đợt phát sinh).

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào hàng ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 6 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm **28 ngày** trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể tham dự một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là tối đa **40 ngày**, kể từ ngày có thời

điểm đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu liên danh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **1%** giá gói thầu; VND (Giá trị bảo đảm dự thầu yêu cầu được quy định theo Phụ lục 1- Danh mục mời chào hàng.)

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: tối thiểu **70 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 8 Điều 11 Luật đấu thầu và khoản 1 Điều 19 Nghị định 63/CP.

Mục 10. Quy cách HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc

và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là **08 giờ 00 – ngày 27 tháng 9 năm 2022**.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho Bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm đóng thầu thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến Bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc 09 giờ 00 – ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường giao ban - Bệnh Viện Nhi Đồng 1 trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu, Bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Bên mời thầu trước ngày 30/9/2022, Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần

của HSDX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà thầu phụ

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng nhà thầu phụ thì phải kê khai danh sách nhà thầu phụ theo Mẫu số 06 Chương III – Biểu mẫu. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu chính chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 50% giá chào của nhà thầu.

3. Nhà thầu phụ đặc biệt không được phép sử dụng.

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

1. Nội dung ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:

- Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu để cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.

- Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất để so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất theo cách cộng thêm số tiền vào giá chào hoặc vào giá đánh giá của nhà thầu không thuộc đối tượng được ưu đãi.

2. Nhà thầu phải nộp các giấy tờ, tài liệu chứng minh nếu hàng hóa của nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

3. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.

Mục 16. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II

– Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá kê khai (nếu có) và giá kế hoạch của gói thầu được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa **05 ngày làm việc** nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 20. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSYC và HSĐX.

Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSYC này. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 09 - Chương V hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia mua sắm trực tiếp khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: Bệnh viện Nhi Đồng 1 (Tổ văn thư), 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điện thoại: (08) 3927.1119, Fax: (08) 3927.0053;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Số 59 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM; SĐT: (08).39309912; Số Fax: (08).39307035.

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Bệnh viện Nhi Đồng 1 (Tổ văn thư), 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh..

Mục 23. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Số 59 Nguyễn

Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM; SĐT: (08).39309912; Số Fax: (08).39307035.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
- i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ

dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

- Nhà thầu nộp bản cam kết theo Mẫu số 07 Chương III – Biểu mẫu để chứng minh nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp hàng hóa đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC.

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự:

Nhà thầu cung cấp các hợp đồng cung cấp hàng hóa hoặc hóa đơn bán hàng kèm theo danh mục hàng hóa đã cung cấp cho các cơ sở khám chữa bệnh hoặc các cơ sở kinh doanh hàng hóa để chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự về quy mô với phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự.

Lưu ý:

+ Không bắt buộc nhà thầu chỉ được chứng minh bằng các hợp đồng cung cấp hàng hóa cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

+ Mặt hàng tại hợp đồng tương tự không bắt buộc là mặt hàng dự thầu.

Tương tự về quy mô: Được xác định bằng tổng các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự tối thiểu bằng **70%** giá trị các mặt hàng của các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự.

Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành trong số năm quy định tại tiêu chí về Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự: nhà thầu được cung cấp các hợp đồng tương tự trong thời gian quy định tính đến thời điểm đóng thầu, không bắt buộc năm nào cũng phải có đủ số lượng các hợp đồng tương tự theo yêu cầu. Cụ thể nhà thầu được cung cấp đủ 02 hợp đồng tương tự đáp ứng yêu cầu trong vòng 3 năm (2019/2020/2021) tính đến thời điểm đóng thầu, không bắt buộc năm nào cũng phải có đủ 02 hợp đồng tương tự đáp ứng yêu cầu trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đóng thầu.

Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Số lượng các hợp đồng tương tự trong vòng **03 năm** trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): **tối thiểu 02 hợp đồng tương tự**. Tài liệu cần nộp theo Mẫu số 08a hoặc Mẫu số 08b Chương III - Biểu mẫu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi

cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhằm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhằm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Mục 5. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần (nếu có)

5.1. Trong HSYC đã nêu rõ: điều kiện chào thầu; biện pháp và giá trị bảo đảm dự thầu cho từng phần; tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng

phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình;

5.2. Việc đánh giá HSDX và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt;

5.3. Trường hợp có một phần hoặc nhiều phần thuộc gói thầu không có nhà thầu tham gia đấu thầu hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC, Chủ đầu tư sẽ báo cáo người có thẩm quyền để điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu theo hướng tách các phần đó thành gói thầu riêng với giá gói thầu là tổng chi phí ước tính tương ứng của các phần; việc lựa chọn nhà thầu đối với các phần có nhà thầu tham gia và được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật vẫn phải bảo đảm nguyên tắc đánh giá theo quy định tại khoản 2 Mục này;

5.4. Trường hợp một nhà thầu trúng thầu tất cả các phần thì gói thầu có một hợp đồng. Trường hợp nhiều nhà thầu trúng thầu các phần khác nhau thì gói thầu có nhiều hợp đồng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Ghi ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói thầu: **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**

Tên dự toán: **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Đồng 1

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện Gói thầu **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8** theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là **06 tháng** kể từ ngày ký hợp đồng ⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian tối đa **40 ngày**⁽⁴⁾, kể từ ngày tháng năm 2022⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời

thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của _ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại _ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự gói thầu **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8** thuộc Dự toán Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8 do Bệnh viện Nhi Đồng 1 tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu

thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**

Thuộc dự toán: **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ hồ sơ yêu cầu **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8** phát hành ngày tháng năm 2022.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh ____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu,

không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8** thuộc **Dự toán Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8** đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

- [- Ký đơn chào hàng;*
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án _____ [*Ghi tên dự án*] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[*Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: Bệnh viện Nhi Đồng 1, 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ____ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự mua sắm trực tiếp để thực hiện **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8** thuộc **Dự toán Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự mua sắm trực tiếp gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực tối thiểu 70⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm 2022⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(Áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: Bệnh viện Nhi Đồng 1, 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ____ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự mua sắm trực tiếp để thực hiện **Gói thầu Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8** thuộc **Dự toán Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự mua sắm trực tiếp gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong tối thiểu **70** ⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm 2022⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời

hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt

cho nhà thầu liên danh A + B + C)", trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)";

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

Công ty:

Địa chỉ :

Số điện thoại : Fax:

Mẫu số 05

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Công ty:
 Địa chỉ :
 Số điện thoại : Fax:

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Phân nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tên thương mại	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Chủng loại/ Mã sản phẩm	Hạn dùng (nếu có)	Số công bố/Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Phân loại trang thiết bị y tế (nếu có)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Chủ sở hữu (nếu có)	Giá kê khai (VND) (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1																		
...																		
Tổng số khoản:																		
Tổng số tiền: ... VND (Bằng chữ...)																		

....., ngày tháng năm 2022

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (2), (3), (6), (16), (17) nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục các loại hóa chất sát khuẩn quy định tại Phụ lục 1. Các cột (4), (5), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (18), (19) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (18), (19) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Mẫu số 06

BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

....., ngày tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá chào.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có), nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**

Tên dự toán: **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**

Kính gửi: **Bệnh viện Nhi Đồng 1**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do **Bệnh viện Nhi Đồng 1** phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết theo những nội dung sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: Chủ đầu tư, bên mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.
5. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước đến hết năm tài chính 2021.
6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo đúng yêu cầu hồ sơ yêu cầu.
7. Các tài liệu trong hồ sơ dự thầu này đều chính xác, (kể cả tài liệu nộp thừa) nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì HSDX xem như không hợp lệ;
8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ và hợp pháp của tất cả các tài liệu cung cấp trong HSDX.
9. Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu về phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp:
 - + Đảm bảo dự thầu đầy đủ số lượng của HSYC, cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng hàng hóa trúng thầu theo nhu cầu sử dụng của bệnh viện và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong hồ sơ dự thầu.
 - + Đảm bảo đáp ứng về thời hạn giao hàng: Thời hạn giao hàng là 24-48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng đến Khoa Dược bệnh viện Nhi Đồng 1.
 - + Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu vận chuyển đến địa điểm cung cấp: Đảm bảo giao hàng theo quy định trong các hợp đồng mua bán đã ký kết với bệnh viện.
 - + Đảm bảo đáp ứng về thời hạn hợp đồng: đảm bảo cung cấp hàng hóa theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với bệnh viện và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

10. Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu bảo hành: Thu hồi và đổi trả nếu hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất và lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của bệnh viện.

11. Cam kết hàng hóa tham dự thầu không vi phạm chất lượng trong vòng ba năm gần đây.

12. Hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính từ thời điểm cung ứng cho bệnh viện bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với mặt hàng có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với mặt hàng có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với mặt hàng có hạn dùng dưới 01 năm.

13. Cam kết tổ chức huấn luyện tại các khoa phòng liên quan trong bệnh viện về sử dụng, pha chế và bảo quản; cho chuyên gia chuyên ngành hỗ trợ bệnh viện khi có yêu cầu.

14. Cam kết các giấy tờ cung cấp tại điểm i khoản 7 mục 6 từ kết quả trúng thầu với hình thức đấu thầu rộng rãi.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 08a

BẢNG TỔNG HỢP HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin tổng hợp giá trị các hợp đồng tương tự:

STT	Tên và số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành	Giá hợp đồng (đối với nhà thầu độc lập)	Giá trị hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm (đối với trường hợp thành viên liên danh)	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Loại hàng hóa cung cấp theo hợp đồng
1								
2								
3								
4								
5								
...								

....., ngày tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này

Mẫu số 08b

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Khoản i Mục 3 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị	<i>[ghi số tiền bằng VND]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên hoặc chứng minh giá trị đã hoàn thành của các hợp đồng (biên bản thanh lý hay chứng minh hợp đồng đã được thanh lý).

....., ngày tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú :

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Bảng số 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
1	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Ethanol 45% k/тт+ 1 - Propanol 18% k/тт, chất làm mềm da.	-Tiêu chuẩn: ISO 13485 EN 1500; EN 12791	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ 500ml	1.200	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
2	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Alcool 75%-80% (Ethanol, Isopropanol hoặc n-propanol); Chlorhexidine digluconate 0,5%; Chất giữ ẩm, mềm da, chất bảo vệ	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ 500ml	6.000	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
3	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Dung dịch rửa tay thủ thuật thường quy Chlorhexidine Gluconate 2% kl/tt + Fatty acid Diethanolamide	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/Lọ 500ml	1.230	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
4	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Dung dịch rửa tay phẫu thuật thường quy Chlorhexidine Gluconate 4% kl/tt, isopropanol < 10% + Fatty acid Diethanolamide <10%, Acetic acid glacial < 10%.	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/Lọ 500ml	600	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
5	Không phân nhóm	N01.02.040	6	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh các loại	Didecyl/dimethyl ammonium chloride 0,14% (kl/kl) + Polyhexamethylene biguanide hydrochloride 0,96% (kl/kl)	-Dạng xịt, sử dụng trực tiếp cho bề mặt, không cần pha loãng -Tiêu chuẩn: ISO 13485 EN 16615	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ 750ml	353	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
6	Không phân nhóm	N01.02.050	7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch làm sáng bóng dụng cụ, loại bỏ vết mờ ố gỉ sắt. Thành phần: Acid Phosphoric 52,5%	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 1000ml	50	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
7	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Chất hoạt động bề mặt không ion, hoạt chất bôi trơn, chất bảo quản, không chứa silicone. Thành phần: Carboxylate, surfactant	Dùng để xịt hoặc ngâm để bôi trơn, bảo dưỡng các khớp dụng cụ -Tiêu chuẩn: ISO 13485 ISO 14001; pH 6.0 - 8.0	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 1000ml	50	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
8	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch khử khuẩn diệt trùng dụng cụ y tế 20% kl/kl Cocopropylene Diamine	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/ Can tối đa 5 lít	200	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BHYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
9	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ: 6,5% Didecylmethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt.	- Tương thích với dụng cụ nhiều chất liệu như thép không gỉ, nhựa,... không làm ăn mòn dụng cụ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	400	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
10	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	Paracetid acid 1500ppm-900ppm.	- Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	380	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
11	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao: 2% Glutaraldehyde, pH=6	- Tương thích với nhiều chất liệu dụng cụ. Có test thử mỗi ngày, tái sử dụng ít nhất 14 ngày. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	500	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	BVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
12	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn dụng cụ mức độ cao 0.55% Ortho-Phthalaldehyde	-Tương thích với dụng cụ làm bằng thép không gỉ, silicone, polystyren, cyanoacrylate. Có thể sử dụng bằng tay hoặc bằng máy Soluscope. Tương thích với các loại dụng cụ nội soi của Olympus, Pentax. Thời gian tái sử dụng dung dịch 14 ngày -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	400	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
13	Nhóm 3	N01.02.050	7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chuyên dụng chứa đa enzym protease, lipase, amylase, cellulase.	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chuyên dụng chứa đa enzym protease, lipase, amylase, cellulase.	-Sử dụng cho rửa tay và bằng máy -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	310	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BHYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
14	Nhóm 3	N01.02.050	7	Dung dịch tẩy rửa dùng cụ các loại.	Dung dịch tiền khử khuẩn và tẩy rửa đa enzyme dùng cụ: 14% N,N-Didecyl-N-Methylpoly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate. Hỗn hợp 3 enzyme: protease, lipase và amylase, chất hoạt động bề mặt.	-Sử dụng cho rửa tay và băng máy -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lo/Can tối đa 5 lít	30	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
15	Nhóm 5	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Cồn 70 độ	- Cồn y tế -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Can tối đa 30 lít	10.190	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
16	Nhóm 5	N01.02.020	4	Dung dịch rửa vết thương các loại	Cồn 70 độ	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 60ml	14.000	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
17	Nhóm 5				Cồn 96 độ	- Cồn y tế -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Can tối đa 30 lít	1.850	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
18	Nhóm 5	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Sodium Dichloroisocyanurate 2,5g	- Có thể sử dụng được cho bề mặt và dụng cụ' -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Viên	Viên	Viên	8.000	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	
19	Nhóm 5				Dung dịch vệ sinh răng miệng Chlorhexidine digluconate 0.12%	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 200ml	1.200	Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1	

Mục 2. Tiến độ cung cấp

Tiến độ yêu cầu cần được bên mua lập thành bảng, trong đó nêu rõ tên hàng hóa với số lượng yêu cầu, địa điểm và tiến độ cung cấp cụ thể. Hàng hóa có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau tùy theo yêu cầu của gói thầu.

Bảng số 2. Tiến độ cung cấp

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	SST theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
1	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Ethanol 45% kl/tt+ 1 - Propanol 18% kl/tt, chất làm mềm da.	-Tiêu chuẩn: ISO 13485 EN 1500; EN 12791	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/Lọ 500ml	1.200	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược
2	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Alcool 75%- 80% (Ethanol, Isopropanol hoặc n-propanol); Chlohexidine digluconate 0,5%; Chất giữ ẩm, mềm da, chất bảo vệ	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ 500ml	6.000	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
3	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Dung dịch rửa tay thủ thuật thường quy Chlohexidine Gluconate 2% kl/tt + Fatty acid Diethanolamide	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 500ml	1.230	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược
4	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Dung dịch rửa tay phẫu thuật thường quy Chlohexidine Gluconate 4% kl/tt, isopropanol < 10% + Fatty acid Diethanolamide <10%, Acetic acid glacial < 10%.	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 500ml	600	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược
5	Không phân nhóm	N01.02.040	6	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh các loại	Didecylidimethylammonium chloride 0,14% (kl/kl) + Polyhexamethylene biguanide hydrochloride 0,96% (kl/kl)	-Dạng xịt, sử dụng trực tiếp cho bề mặt, không cần pha loãng -Tiêu chuẩn: ISO 13485 EN 16615	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 750ml	353	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
6	Không phân nhóm	N01.02.050	7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch làm sáng bóng dụng cụ, loại bỏ vết mờ ố gỉ sét. Thành phần: Acid Phosphoric 52,5%	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/ Lọ	Chai/Lọ	Chai/ Lọ 1000ml	50	Ngày khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược
7	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Chất hoạt động bề mặt không ion, hoạt chất bôi trơn, chất bảo quản, không chứa silicone. Thành phần: Carboxylate, surfactant	Dùng để xịt hoặc ngâm để bôi trơn, bảo dưỡng các khớp dụng cụ -Tiêu chuẩn: ISO 13485 ISO 14001; pH 6.0 - 8.0	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ 1000ml	50	Ngày khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược
8	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch khử khuẩn tiết trùng dụng cụ y tế 20% kl/kl Cocopropylene Diamine	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/ Can tối đa 5 lít	200	Ngày khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
9	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ: 6,5% Didecylmethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt.	- Tương thích với dụng cụ nhiều chất liệu như thép không gỉ, nhựa,... không làm ăn mòn dụng cụ. -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	400	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại khoa Dược	Khoa Dược
10	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	Paracetid acid 1500ppm-900ppm.	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	380	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại khoa Dược	Khoa Dược
11	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao: 2% Glutaraldehyde, pH=6	-Tương thích với nhiều chất liệu dụng cụ. Có test thử mỗi ngày, tái sử dụng ít nhất 14 ngày -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	500	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại khoa Dược	Khoa Dược

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
12	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn dụng cụ mức độ cao 0.55% Ortho-Phathalaldehyde	-Tương thích với dụng cụ làm bằng thép không gỉ, silicone, polystyren, cyanoacrylate . Có thể sử dụng bằng tay hoặc bằng máy Soluscope. Tương thích với các loại dụng cụ nội soi của Olympus, Pentax. Thời gian tái sử dụng dung dịch 14 ngày -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	400	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược
13	Nhóm 3	N01.02.050	7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại.	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chuyên dụng chứa đa enzym protease, lipase, amylase, centulase.	-Sử dụng cho rửa tay và bằng máy -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	310	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
14	Nhóm 3	N01.02.050	7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại.	Dung dịch tiền khử khuẩn và tẩy rửa đa enzyme dung cụ: 14% N,N-Didecyl-N-Methylpoly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate. Hỗn hợp 3 enzyme: protease, lipase và amylase, chất hoạt động bề mặt.	-Sử dụng cho rửa tay và bằng máy -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/Can tối đa 5 lít	30	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại khoa Dược	Khoa Dược
15	Nhóm 5	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Cồn 70 độ	- Cồn y tế -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Can tối đa 30 lít	10.190	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại khoa Dược	Khoa Dược
16	Nhóm 5	N01.02.020	4	Dung dịch rửa vết thương các loại	Cồn 70 độ	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 60ml	14.000	Ngay khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại khoa Dược	Khoa Dược

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
17	Nhóm 5				Cồn 96 độ	- Cồn y tế - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Can tối đa 30 lít	1.850	Ngày khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược
18	Nhóm 5	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Sodium Dichloroisocyanurate 2,5g	- Có thể sử dụng được cho bề mặt và dụng cụ - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Viên	Viên	Viên	8.000	Ngày khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược
19	Nhóm 5				Dung dịch vệ sinh răng miệng Chlorhexidine digluconate 0.12%	- Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 200ml	1.200	Ngày khi hợp đồng có hiệu lực, chia thành nhiều đợt theo nhu cầu của bệnh viện tại kho khoa Dược	Kho khoa Dược

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật theo Phụ lục 2 - Tiêu chí đánh giá kỹ thuật của các loại test xét nghiệm năm 2022.

Mục 4. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra hàng mẫu.

Nếu nhà thầu nộp hàng mẫu thì nộp cùng với HSDX các tài liệu sau đây:

+ Mẫu phụ lục 3 - Yêu cầu về nộp hàng mẫu.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Công ty:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số ĐT:

HỢP ĐỒNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số:

Gói thầu: **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**

Thuộc dự toán: **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8**

Căn cứ Luật thương mại;

Căn cứ Luật đấu thầu;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về qui định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 22/12/2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành qui định về việc lập hồ sơ yêu cầu đối với và chỉ định thầu và chào hàng cạnh tranh;

Căn cứ Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở công lập;

Căn cứ Quyết định số 3700/QĐ-SYT ngày 30/5/2017 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Nhi Đồng 1 thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Công văn 4227/SYT-TCKT ngày 12/5/2016 về việc hướng dẫn mua sắm vật tư y tế, trang thiết bị tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BVNĐ1 ngày /2022 của Bệnh viện Nhi Đồng 1 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8” và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số /TB-BVNĐ1 ngày / /2022;

Hôm nay vào lúc giờ, ngày tháng năm 2022 tại Bệnh viện Nhi Đồng 1, chúng tôi đại diện cho các bên hoàn thiện hợp đồng gồm có:

Đại diện Chủ đầu tư (Sau đây gọi là bên A).

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1

Địa chỉ : 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028.3927 1119
Fax : 028.3927 0053
Mã số thuế : 0 3 0 1 4 7 9 8 8 3
Số tài khoản : 3714.0.107390500000
Ngân hàng : Kho bạc nhà nước Quận 10
Đại diện : PGS.TS.BS. NGUYỄN THANH HÙNG
Chức vụ : Giám đốc

Đại diện nhà thầu trúng thầu (Sau đây gọi là bên B).

CÔNG TY ...

Địa chỉ :
Điện thoại :

Fax :

Mã số thuế :

Tài khoản :

Tại : Ngân Hàng ... - Chi Nhánh ... - Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện :

Chức vụ :

(Giấy ủy quyền số: (nếu có) Hai bên thống nhất những nội dung hoàn thiện trong hợp đồng như sau:

1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu trong phụ lục bảng giá theo hợp đồng đính kèm

2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- Văn bản hợp đồng ;
- Biên bản thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng ;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ;
- Biên bản hoàn thiện hợp đồng ;
- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại mục 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại mục 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

- Giá hợp đồng: ... đồng (Bằng chữ: ... đồng.) Giá trên đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí.

- Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Thời hạn thanh toán: Chuyển khoản theo từng đợt giao hàng hoặc toàn bộ giá trị hợp đồng trong vòng 90 -120 ngày cho Bên B, sau khi bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán hợp lệ.

6. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

8. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

9. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

Hàng hóa sẽ được giao từng đợt hoặc 01 đợt theo yêu cầu thực tế của bên A. Trường hợp bên B giao chậm, thiếu hàng mà không có lý do chính đáng phải chịu chung trách nhiệm với bệnh viện về tình trạng sức khỏe của bệnh nhân.

Hóa đơn xuất giao hàng phải kèm Biên bản nghiệm thu bàn giao.

Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Kho chẩn khoa Dược - Bệnh viện Nhi Đồng 1.

Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

10. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của

bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng

11. Bảo hành

Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

12. Nghiệm thu

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, khoa sử dụng và nhà thầu ký xác nhận.

13. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo tòa án kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết.

14. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hoàn thành công việc và nghĩa vụ của 2 bên.

Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

15. Các nội dung khác

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, chủ đầu tư giữ 01 (một) bản, nhà thầu giữ 01 (một) bản.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSDX và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 05 và Mẫu số 05a]

STT	Phân nhóm theo TT14/2 020/TT -BYT	Phân nhóm theo TT04/ 2017/ TT- BYT	Tên hóa chất	Tên thương mại	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Chủng loại/ Mã sản phẩm	Hạn dùng (nếu có)	Số công bố/Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Phân loại trang thiết bị y tế (nếu có)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Chủ sở hữu (nếu có)	Giá kê khai (VND) (nếu có)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)

- Tổng cộng: ... mặt hàng.

- Tổng thành tiền: ... (Bảng chữ:). Giá trên đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Đồng 1

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu **Mua sắm các loại hóa chất sát khuẩn năm 2022 lần 8** và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo

lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày _____ tháng _____ năm _____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC LOẠI HÓA CHẤT SÁT KHUẨN

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Bảo đảm dự thầu (VNĐ)
1	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Ethanol 45% k/tt+ 1 - Propanol 18% k/tt, chất làm mềm da.	-Tiêu chuẩn: ISO 13485 EN 1500; EN 12791	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/Lọ 500ml	1.200	129.465	155.358.000	1.553.580
2	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Alcool 75%- 80% (Ethanol, Isopropanol hoặc n-propanol); Chlohexidine digluconate 0,5%; Chất giữ ẩm, mềm da, chất bảo vệ	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/Lọ 500ml	6.000	56.700	340.200.000	3.402.000
3	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Dung dịch rửa tay thủ thuật thường quy Chlohexidine Gluconate 2% k/tt + Fatty acid Diethanolamide	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/Lọ 500ml	1.230	110.770	136.247.100	1.362.471
4	Không phân nhóm	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Dung dịch rửa tay phẫu thuật thường quy Chlohexidine Gluconate < 10% + Fatty acid Diethanolamide <10%, Acetic acid glacial < 10%.	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/Lọ 500ml	600	154.594	92.756.400	927.564

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BHYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Bảo đảm dự thầu (VNĐ)
5	Không phân nhóm	N01.02.040	6	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh các loại	Didecyl/dimethylammonium chloride 0,14% (kl/kl) + Polyhexamethylene biguanide hydrochloride 0,96% (kl/kl)	-Dạng xit, sử dụng trực tiếp cho bề mặt, không cần pha loãng -Tiêu chuẩn: ISO 13485 EN 16615	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ 750ml	353	339.000	119.667.000	1.196.670
6	Không phân nhóm	N01.02.050	7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch làm sáng bóng dụng cụ, loại bỏ vết mờ ở gỉ sét. Thành phần: Acid Phosphoric 52,5%	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/ Lọ 1000ml	50	1.197.900	59.895.000	598.950
7	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Chất hoạt động bề mặt không ion, hoạt chất bôi trơn, chất bảo quản, không chứa silicone. Thành phần: Carboxylate, surfactant	Dùng để xịt hoặc ngâm để bôi trơn, bảo dưỡng các khớp dụng cụ -Tiêu chuẩn: ISO 13485 ISO 14001; pH 6.0 - 8.0	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ	Chai/ Lọ 1000ml	50	410.000	20.500.000	205.000
8	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch khử khuẩn tiết trùng dụng cụ y tế 20% kl/kl Cocopropylene Diamine	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/ Can tối đa 5 lít	200	499.000	99.800.000	998.000
9	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ: 6,5% Didecyl/dimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt.	- Tương thích với dụng cụ nhiều chất liệu như thép không gỉ, nhựa,... không làm ăn mòn dụng cụ. -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/ Can tối đa 5 lít	400	278.520	111.408.000	1.114.080
10	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	Paracetid acid 1500ppm-900ppm.	-Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lọ/ Can tối đa 5 lít	380	283.500	107.730.000	1.077.300

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục do BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Bảo đảm dự thầu (VND)
11	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao: 2% Glutaraldehyde, pH=6	-Tương thích với nhiều chất liệu dụng cụ. Có test thử mỗi ngày, tái sử dụng ít nhất 14 ngày. -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lo/Can tối đa 5 lít	500	72.400	36.200.000	362.000
12	Nhóm 3	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao 0.55% Ortho-Phathalaldehyde	-Tương thích với dụng cụ làm bằng thép không gỉ, silicone, polystyren, cyanoacrylate. Có thể sử dụng bằng tay hoặc bằng máy Soluscope. Tương thích với các loại dụng cụ nội soi của Olympus, Pentax. Thời gian tái sử dụng dung dịch 14 ngày -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lo/Can tối đa 5 lít	400	187.950	75.180.000	751.800
13	Nhóm 3	N01.02.050	7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại.	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chuyên dụng chứa đa enzym protease, lipase, amylase, cellulase.	-Sử dụng cho rửa tay và bằng máy -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lo/Can tối đa 5 lít	310	385.000	119.350.000	1.193.500
14	Nhóm 3	N01.02.050	7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại.	Dung dịch tiền khử khuẩn và tẩy rửa đa enzyme dung cụ: 14% N,N-Didecyl-N-Methylpoly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate. Hỗn hợp 3 enzyme: protease, lipase và amylase, chất hoạt động bề mặt.	-Sử dụng cho rửa tay và bằng máy -Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Chai/Lo/Can tối đa 5 lít	30	485.100	14.553.000	145.530

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	STT theo danh mục đo BYT ban hành TT04	Mã Nhóm theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa theo TT04/2017/TT-BYT	Tên hóa chất	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Dạng trình bày	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Bảo đảm dư thừa (VND)
15	Nhóm 5	N01.02.010	3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Cồn 70 độ	- Cồn y tế - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Can tối đa 30 lít	10.190	28.800	293.472.000	2.934.720
16	Nhóm 5	N01.02.020	4	Dung dịch rửa vết thương các loại	Cồn 70 độ	- Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 60ml	14.000	3.570	49.980.000	499.800
17	Nhóm 5				Cồn 96 độ	- Cồn y tế - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lít	Lít	Can tối đa 30 lít	1.850	32.000	59.200.000	592.000
18	Nhóm 5	N01.02.030	5	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại.	Sodium Dichloroisocyanurate 2,5g	- Có thể sử dụng được cho bề mặt và dụng cụ - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Viên	Viên	Viên	8.000	3.780	30.240.000	302.400
19	Nhóm 5				Dung dịch vệ sinh răng miệng Chlorhexidine digluconate 0.12%	- Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai/Lọ	Chai/Lọ	Chai/Lọ 200ml	1.200	65.000	78.000.000	780.000

PHỤ LỤC 2

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng	Ghi chú
1. Chứng loại, số lượng:			
Chứng loại, số lượng của sản phẩm dự thầu	- Đúng chủng loại theo yêu cầu tại Phụ lục 1 của hồ sơ yêu cầu.	Đạt	
	- Đúng theo số lượng tại Phụ lục 1 của hồ sơ yêu cầu.		
	- Không đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đạt	
2. Chất lượng của sản phẩm:			
Chất lượng sản phẩm dự thầu	- Hàng mẫu thực tế (nếu có). - Có cam kết sản phẩm không vi phạm chất lượng trong 3 năm gần đây.	Đạt	
	- Hàng mẫu không đáp ứng nội dung yêu cầu - Không có cam kết sản phẩm không vi phạm chất lượng trong 3 năm gần đây.	Không đạt	
3. Tính hợp lệ của sản phẩm:			
Tính hợp lệ của sản phẩm dự thầu	a) Giấy phép bán hàng hoặc uỷ quyền của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối chính thức: còn hiệu lực, có bản dịch tiếng Việt xác nhận của đơn vị dịch thuật hoặc nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp nếu là bản tiếng nước ngoài. b) Công bố đủ điều kiện mua bán (TTBYT loại B, C, D) hoặc chứng minh được miễn công bố đủ điều kiện mua bán. c) Bản phân loại trang thiết bị y tế (hoặc cung cấp tài liệu chứng minh TTBYT không phải thực hiện việc phân loại). d) Phiếu tiếp nhận Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (TTBYT loại A, B) Hoặc có sổ lưu hành còn hạn hoặc đã được cấp phép nhập khẩu (TTBYT loại C, D) e) Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485. f) Có nhãn hoặc có kèm theo nhãn phụ bằng tiếng Việt với đầy đủ các thông tin: ▪ Tên trang thiết bị y tế;	Đạt	

Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng	Ghi chú
	- Số lưu hành/công bố trang thiết bị y tế; - Tên và địa chỉ chủ sở hữu số lưu hành trang thiết bị y tế; - Xuất xứ trang thiết bị y tế; - Ngày sản xuất hoặc hạn sử dụng. Việc ghi ngày sản xuất, hạn sử dụng phải ghi rõ ngày, tháng, năm hoặc tháng, năm; - Số lô hoặc số sêri (serial number) của trang thiết bị y tế. g) Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật; Tài liệu kỹ thuật trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt; Thông tin về hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt. h) Giá kê khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế. Bao bì đáp ứng các yêu cầu sau: a) Chất lượng bao gói cần phải đủ độ bền chắc. b) Bao gói phải kết cấu đủ kín để bảo đảm không làm rò rỉ.		
	Không cung cấp đầy đủ tài liệu hoặc có đủ các tài liệu nhưng không đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đạt	
4. Thông số và đặc tính kỹ thuật, tài chính của sản phẩm:			
- Thông số kỹ thuật.	✓ Theo phụ lục I đính kèm.	Đạt	
- Đặc tính kỹ thuật.	Không cung cấp đầy đủ tài liệu hoặc có đủ các tài liệu nhưng không đáp ứng nội dung yêu cầu.	Không đạt	
5. Tiến độ cung cấp sản phẩm:			
- Địa điểm giao hàng.	Có cam kết các nội dung: Hàng được giao trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng đến Khoa Dược Bệnh viện Nhi Đồng 1: Số 341 Đường Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.	Đạt	
- Thời gian giao hàng.	Không có hoặc có nhưng nội dung cam kết không đáp ứng nội dung yêu cầu.	Không đạt	
6. Hạn sử dụng:			
Hạn sử dụng còn lại kể từ thời điểm giao hàng	Có cam kết về hạn sử dụng còn lại của sản phẩm: hạn sử dụng còn lại của sản phẩm trúng thầu tính từ thời điểm cung ứng cho bệnh viện bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với sản phẩm có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với sản phẩm có hạn dùng từ 01 đến	Đạt	

Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng	Ghi chú
	02 năm; 1/4 hạn dùng đối với sản phẩm có hạn dùng dưới 01 năm.		
	Không có hoặc có nhưng nội dung cam kết không đáp ứng nội dung yêu cầu.	Không đạt	
7. Yêu cầu khác:			
- Cam kết tổ chức huấn luyện tại các khoa phòng liên quan trong bệnh viện về sử dụng và bảo quản khi có yêu cầu. - Cam kết cho chuyên gia chuyên ngành hỗ trợ bệnh viện khi được yêu cầu. - Cam kết thu hồi sản phẩm khi được yêu cầu.		Đạt	
Không có hoặc có nhưng nội dung cam kết không đáp ứng nội dung yêu cầu		Không đạt	
KẾT LUẬN	Tất cả các tiêu chuẩn nêu trên được đánh giá là đạt.	Đạt	
	Không đạt một trong các tiêu chuẩn nêu trên.	Không đạt	

PHỤ LỤC 3
HÀNG MẪU

STT	STT THEO HSYC	TÊN HÀNG HÓA	TÊN THƯƠNG MẠI	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
1					
2					
3					
4					

Tổng cộng: mặt hàng

MẪU DÁN TRÊN HÀNG MẪU:

- Tên hàng hóa mời chào hàng:
- Tên thương mại:
- STT theo HSYC:
- Tên công ty:

